

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ THẮNG LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 71/CV-CTCP

V/v: Giải trình về lợi nhuận sau thuế  
trên Báo cáo tài chính đã được soát  
xét năm 2023 sau kiểm toán thay đổi  
hơn 10% so với cùng kỳ năm trước

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- Tên tổ chức (đầy đủ): **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THẮNG LỢI**
- Mã chứng khoán: **CFV**
- Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, Xã Hòa Đông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: 0262.3514362 Fax: 0262.3514365

**II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ**

Công ty cổ phần cà phê Thăng Lợi xin giải trình về việc liên quan đến lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính đã được soát xét năm 2023 sau kiểm toán thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

ĐVT: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	456.039.524.753	450.680.425.982	5.359.098.771	1
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		456.039.524.753	450.680.425.982	5.359.098.771	1
Giá vốn hàng bán	11	6.02	434.197.763.367	432.601.251.463	1.596.511.904	0
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.841.761.386	18.079.174.519	3.762.586.867	21
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	7.396.020.274	6.495.366.459	900.653.815	14
Chi phí tài chính	22	6.04	6.074.212.616	3.995.324.849	2.078.887.767	52
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.094.969.535	1.368.244.615	726.724.920	53
Chi phí bán hàng	25	6.05	8.320.954.261	8.528.059.843	(207.105.582)	-2
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	12.702.795.661	13.249.322.824	(546.527.163)	-4
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.139.819.122	(1.198.166.538)	3.337.985.660	-279
Thu nhập khác	31	6.07	5.649.863.030	5.028.168.900	621.694.130	12
Chi phí khác	32	6.08	2.893.267.729	1.903.444.876	989.822.853	52
Lợi nhuận khác	40		2.756.595.301	3.124.724.024	(368.128.723)	-12
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.896.414.423	1.926.557.486	2.969.856.937	154
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.09	1.361.367.140	575.301.814	786.065.326	137
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.535.047.283	1.351.255.672	2.183.791.611	162

Lợi nhuận sau thuế TNDN BCTC sau kiểm toán Năm 2023 đạt 3.535 triệu đồng, tăng 2.184 triệu đồng (tương đương tăng 162%) so với BCTC sau kiểm toán cùng kỳ năm 2022. Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 5.359 triệu đồng (tương đương tăng 1%). Nguyên nhân chính là do tình hình giá cà phê trong nước có nhiều biến động nhưng công ty thực hiện mua hàng trước và xuất khẩu sau để đạt lợi nhuận tốt hơn. Đồng thời công ty đã quản lý chi phí chặt chẽ hơn, để tối ưu hóa lợi nhuận đạt được. Vì vậy, trong năm 2023 lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 3.763 triệu đồng (tương đương tăng 21%).

Từ những nguyên nhân nêu trên, dẫn tới lợi nhuận trước thuế tăng 2.970 triệu đồng (tương đương tăng 154%), sau khi tính thuế TNDN phải nộp, thì Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 2.184 triệu đồng (tương đương tăng 162%).

Trên đây là báo cáo giải trình của Công ty về việc liên quan đến lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính đã được soát xét năm 2023 sau kiểm toán thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước. Công ty cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận**

- Như trên
- Lưu VT-TV

**CHỦ TỊCH HĐQT**



*Đỗ Hoàng Phúc*